

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST

Ngày 18-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Biên.

Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 2 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lãng Văn T, sinh năm 1997 tại huyện H, tỉnh L; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn ĐT, xã S, huyện H, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lãng Văn S, sinh năm 1966 và bà Lý Thị Th, sinh năm 1968; Vợ, Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Duy Th, sinh năm 2000 tại huyện LN, tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện LN, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1967; Vợ, Con: Chưa có; Bị cáo có vợ là Chu Thị H, sinh năm 2000 và 01 con sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:**

- Chị Vương Thị V, sinh năm 2003.

HKTT: Thôn C, xã ĐG, huyện LN, tỉnh B.

Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố MĐ 3, thị trấn N, huyện VY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 2002.

HKTT: Thôn M, xã HV, huyện YT, tỉnh B.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 197 đường HVT, phường NQ, thành phố B, tỉnh B.

(Có mặt)

- Chị Lã Kim V1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản R, xã ThĐ, huyện CL, tỉnh L.

(Vắng mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Chu Thị Xuân Hg, sinh năm 2000.

HKTT: Thôn ĐQ, xã BM, huyện CL, tỉnh L.

Địa chỉ liên hệ: Thôn N, xã Q, huyện VY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983.

Địa chỉ liên hệ: Thôn MĐ 1, thị trấn N, huyện VY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện LN, tỉnh B.

(Có mặt)

- Ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện LN, tỉnh B.

(Có mặt)

- Anh Đỗ Đăng T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu đất mới, thôn Ch, xã TT, huyện VY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

** Người làm chứng:*

- Anh Trần Thế Đ1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã YB, huyện H, tỉnh L.

(Vắng mặt)

- Anh Chu Quang Đ2, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn VP, xã VL, huyện B, thành phố H.

(Vắng mặt)

- Anh Hoàng Mạnh H1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 9B, tổ dân phố 2A, phường Tr, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Bá Đ3, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Nam Ng, xã QC, huyện VY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

** Người chứng kiến:*

- Anh Giáp Văn X, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã QN, huyện TY, tỉnh B.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lăng Văn T, sinh năm 1997, trú tại Thôn ĐT, xã S, huyện H, tỉnh L và Nguyễn Duy Th, sinh năm 2000, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện LN, tỉnh B là bạn quen biết ngoài xã hội khi cùng đi làm công nhân tại Khu công nghiệp ĐT, huyện VY, tỉnh B. Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, trong tháng 10 và tháng 11 năm 2021, T và Th đã cùng nhau thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản gồm 02 vụ trên địa bàn huyện VY và 01 vụ tại thành phố B, tỉnh B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ ngày 05/10/2021, T nhắn tin cho Th rủ đi cướp giật tài sản, Th đồng ý. Sau đó Th điều khiển xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda Wave màu trắng từ phòng trọ ở thôn VC 2, xã VTr, huyện VY đến phòng trọ của T ở tổ dân phố MĐ 2, thị trấn N, huyện VY, tỉnh B đón T. Sau đó, Th lái xe chở T ngồi sau đi quanh các tuyến trong khu công nghiệp ĐT, huyện VY, tỉnh B xem ai có sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi đến đoạn đường đối diện cổng Công ty TNHH TOKAI TRIM Việt Nam thuộc địa phận tổ dân phố MĐ 3, thị trấn N, huyện VY, tỉnh B, T nhìn thấy chị Vương Thị V, sinh năm 2003, trú tại Thôn C, xã ĐG, huyện LN, tỉnh B đang đứng một mình ở vỉa hè, tay cầm chiếc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu trắng. Th điều khiển xe mô tô áp sát chị V, T dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị V và nói với Th “lấy được rồi”, Th tăng ga bỏ chạy ra Quốc lộ 17. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Th điều khiển xe chở T đi đến cửa hàng điện thoại di động “Đăng Kh” của anh Đỗ Đăng T, sinh năm 1987, trú tại: thôn Ch, xã TT, huyện VY, tỉnh B. Tại đây, T kiểm tra điện thoại của chị V thì phát hiện trong ốp lưng điện thoại của chị V có số tiền 90.000 đồng, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Vương Thị V. T lấy ốp điện thoại, chứng minh thư, số tiền 90.000 đồng và tháo 02 chiếc sim trong máy ra cất vào túi quần rồi bán chiếc điện thoại di động cho anh T được 1.200.000 đồng. Sau đó, T và Th đi về phòng trọ. Số tiền 1.290.000 đồng có được, T chia cho Th 650.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cùng ngày, chị Vương Thị V có đơn trình báo Công an huyện VY, tỉnh B, Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 150 ngày 08/11/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện VY, tỉnh B kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu trắng, đã qua sử dụng

có trị giá 2.300.000 đồng;

- 01 chiếc ốp nhựa màu đen của máy OPPO A9 có trị giá 20.000 đồng;
- 02 pin sim điện thoại di động có trị giá 40.000 đồng.

Tổng giá trị của những tài sản trên là: **2.360.000** đồng.

Đối với ốp điện thoại, chứng minh thư nhân dân và 02 chiếc sim của chị V, T khai đã vứt đi trên đường về phòng trọ hiện không nhớ vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với anh Đỗ Đăng T có hành vi mua chiếc điện thoại OPPO A9 nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Tại Cơ quan điều tra, anh T khai đã bán lại chiếc điện thoại cho một người không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không gắn biển số, màu trắng mà Th và T sử dụng đi cướp giật tài sản, quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên mang biển kiểm soát 98E1-514.74 do Th mượn của bố đẻ là ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1968, trú tại thôn CV, xã Th, huyện LN, tỉnh B. Khi cho Th mượn xe, ông D không biết việc Th sử dụng để cướp giật tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vương Thị V đề nghị Nguyễn Duy Th và Lãng Văn T bồi thường cho chị V số tiền 2.360.000 đồng tương đương với giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 05/11/2021, T tiếp tục rủ Th đi cướp giật tài sản, Th đồng ý. Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84 chở T ngồi phía sau đi đến khu vực xã QC, huyện VY, tỉnh B xem ai có sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đến khu vực thôn TT, xã QC thì Th và T phát hiện chị Lã Kim V1, sinh năm 2000, trú tại Bản R, xã ThĐ, huyện CL, tỉnh L đang điều khiển xe mô tô Honda Lead, biển kiểm soát 12D1-303.31 chở chị Chu Thị Xuân Hg, sinh năm 2000, trú tại Thôn ĐQ, xã BM, huyện CL, tỉnh L ngồi phía sau. Lúc này chị Hg đang cầm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng. Thấy vậy, T bảo Th đi theo để chờ cơ hội cướp giật chiếc điện thoại di động của chị Hg. Khi đến khu vực chân dốc đê thuộc thôn TT, xã QC tiếp giáp với đường Tỉnh lộ 295B, thấy chị V1 dừng xe lại, Th điều khiển xe áp sát bên trái xe của chị V1, T dùng tay phải giật được chiếc điện thoại của chị Hg rồi nói với Th “lấy được rồi”. Th điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy theo tỉnh lộ 295B về phòng trọ của T ở Tổ dân phố My Điện 2, thị trấn Nénh, VY, tỉnh B. Đến khoảng 09 giờ 30 ngày 06/11/2021, Th điều khiển xe mô tô chở T đến cửa hàng điện thoại Trọng H của anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983, ở thôn MĐ 1, thị trấn N, huyện VY, tỉnh B để bán chiếc điện thoại Iphone 6S Plus nhưng do chiếc điện thoại bị khóa, không bán được giá cao nên Th và T đã để lại chiếc điện thoại tại cửa hàng và thuê anh H mở

khóa điện thoại, hẹn sẽ quay lại lấy mang đi cửa hàng khác bán với giá cao hơn.

Cùng ngày, chị Chu Thị Xuân Hg gửi đơn trình báo Công an xã QC, huyện VY. Chị Hg trình bày chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng là của chị V1 nhờ cầm hộ để xem chỉ đường.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 153 ngày 12/11/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện VY, kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng, đã qua sử dụng có trị giá 2.000.000 đồng;

- 01 chiếc ốp điện thoại bằng nhựa mềm, đã qua sử dụng có trị giá 20.000 đồng;

- 01 phôi sim điện thoại di động có trị giá 20.000 đồng.

Tổng giá trị của những tài sản trên là: **2.040.000** đồng.

Đến ngày 11/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VY đã thu giữ được chiếc điện thoại của chị V1 do anh Nguyễn Trọng H giao nộp.

Về bồi thường dân sự: Chị Lã Kim V1 và chị Chu Thị Xuân Hg không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường dân sự.

Vụ thứ ba: Ngày 06/11/2021, sau khi ở quán điện thoại của anh H, Th chở T đi đến thành phố B theo Quốc Lộ 1A cũ để xem ai có sơ hở sẽ cướp giật tài sản. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Th và T đi từ đường XG vào đường Nguyễn Thị Minh Kh hướng đi đường Lê Lợi, thành phố B. Khi đi được khoảng 200m, Th phát hiện phía trước ngược chiều có chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 2002, trú tại: Thôn M, xã HV, huyện YT, tỉnh B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 30P7-29.92, nhãn hiệu Lyberty, tay trái cầm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu hồng. Th nói với T “chị kia có điện thoại kìa, có lấy không?”. T trả lời “lấy thì lấy”. Khi chị Ch điều khiển xe mô tô đi gần đến ngã tư đường Lý Tự Tr giao với đường Nguyễn Thị Minh Kh, thuộc địa phận phường XG, thành phố B, Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84 đi thẳng về Hg đường LL sau đó vòng ngược lại đi phía sau cùng chiều với xe chị Ch. Th điều khiển xe tăng ga vượt lên bên trái áp sát xe mô tô chị Ch điều khiển. Khi 02 xe song song với nhau, T ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động chị Ch cầm trên tay trái. Th điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy lên cầu vượt XG. Bị cướp giật tài sản, chị Ch truy hô “cướp, cướp” và điều khiển xe mô tô đuổi theo nhưng không đuổi kịp. Cùng lúc đó, anh Hoàng Mạnh H1, sinh năm 1985, trú tại: Số nhà 9B, tổ dân phố 2A, phường Tr, thành phố B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-03.666 và anh Chu Quang Đ2, sinh năm 1991, trú tại: Thôn VP, xã VL, huyện B, thành phố H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29X7-215.10 đi đến. Nghe tiếng chị Ch hô, anh H1 và anh Đ2 đã truy đuổi, vừa đuổi vừa truy hô. Th điều khiển xe chở T bỏ chạy đến đoạn

đường ngã tư Trần Hưng Đ giao với Quốc lộ 17, thuộc địa phận xã Song Mai, thành phố B thì rẽ phải đi theo Quốc lộ 17 về hướng huyện TY, tỉnh B. Lúc này, anh Trần Thế Đ1, sinh năm 1991, trú tại: Thôn ĐB, xã YB, huyện H, tỉnh L đang điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29D-422.38 đi trên Quốc lộ 17 nghe thấy mọi người truy hô nên cũng truy đuổi theo. Khi Th và T bỏ chạy đến khu vực cầu ĐT, thuộc xã QN, huyện TY, tỉnh B thì bị anh Trần Thế Đ1 điều khiển xe ô tô tăng ga vượt lên bên trái xe mô tô Th điều khiển, ép Th dừng xe. Th điều khiển xe phanh gấp nên bị ngã xe. Tiếp đó, anh H1 và anh Chu Quang Đ2 truy đuổi đến và bắt giữ được Th. Còn T bỏ chạy vào bãi đất trống thuộc thôn TĐ, xã QN, huyện TY, tỉnh B thì bị lực lượng Công an xã QN, huyện TY cùng quần chúng nhân dân bắt giữ ngay sau đó. Quá trình bắt quả tang, Công an xã QN huyện TY tạm giữ: số tiền 305.000 đồng trong túi áo ngực bên trái của Lãng Văn T; số tiền 891.000 đồng trong túi quần bên trái của Nguyễn Duy Th và 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, nhãn hiệu Honda Winner X, màu Xanh – Đen.

Cùng ngày, chị Nguyễn Thị Ch gửi đơn trình báo đến Công an thành phố B. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận là người trực tiếp giật được điện thoại của chị Ch và cầm điện thoại ở tay còn Th là người điều khiển xe bỏ chạy. Khi Th bị truy đuổi ngã xa thì chiếc điện thoại văng khỏi tay T. Sau đó T và Th không rõ người nào đã nhặt được chiếc điện thoại di động trên. Ngay sau khi Công an xã QN, huyện TY và quần chúng nhân dân bắt giữ được T và Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khám nghiệm hiện trường và truy tìm chiếc điện thoại nhưng không thu giữ được.

Ngày 06/11/2021, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lãng Văn T và Nguyễn Duy Th. Thu giữ: 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, số 207167 mang tên Nguyễn Duy Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không gắn biển số, màu trắng, đã qua sử dụng.

Ngày 09/11/2021, Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả T và Th thực hiện thuần thực hành vi cướp giật tài sản như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 167 ngày 12/11/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, màu vàng – hồng, dung lượng 32GB, đã qua sử dụng có trị giá 4.000.000 đồng;
- 01 chiếc ốp điện thoại bằng nhựa có hoa văn đen – trắng, loại ốp dùng cho điện thoại Iphone 7plus, đã qua sử dụng có giá trị 50.000 đồng;
- 01 sim điện thoại di động của nhà mạng Viettel, số thuê bao 0392270184, đã

qua sử dụng có giá trị 50.000 đồng.

Tổng giá trị của những tài sản trên là: **4.100.000** đồng.

Đến nay, chị Nguyễn Thị Ch đề nghị Nguyễn Duy Th và Lăng Văn T bồi thường cho chị Ch số tiền 4.500.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, nhãn hiệu Honda Winner X, màu Xanh – Đen, qua xác minh điều tra, xác định là do Th mượn của em họ là anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2000, trú tại thôn Đ, xã T, huyện LN, tỉnh B- là em họ của Th. Khi cho Th mượn xe, anh Đ không biết Th sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản.

Vật chứng còn lại của vụ án gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, nhãn hiệu Honda Winner X, màu Xanh – Đen; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, số 207167 mang tên Nguyễn Duy Đăng.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Lăng Văn T, số 082325545.

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Duy Th, số 024200004189.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không gắn biển số, màu trắng, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu Vàng, đã qua sử dụng; 01 ốp lưng điện thoại di động; 01 sim điện thoại.

- 01 khẩu trang y tế màu xanh – trắng, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng.

Tất cả vật chứng đã được nhập kho vật chứng của Công an thành phố B để quản lý, bảo quản theo quy định pháp luật.

- Số tiền 1.196.000 đồng, được niêm phong trong 01 phong bì thư được nhập kho tại Kho bạc nhà nước tỉnh B bảo quản theo quy định.

* Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 14 tháng 02 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

* Bị cáo Th trình bày: Bị cáo có đã tác động đến gia đình số tiền nộp số tiền 6.560.000 đồng để bồi thường cho các bị hại.

* Bị hại chị Nguyễn Thị Ch trình bày: Ngày 06/11/2021, tại khu vực chân cầu vượt đường Nguyễn Thị Minh Kh, chị bị cướp giật tài sản là 01 điện thoại Iphone 7 plus màu hồng đã qua sử dụng. Chị yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị 4.100.000 đồng tương ứng giá trị chiếc điện thoại của chị. Nay chị được biết gia đình bị cáo Th đã nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự để bồi thường cho các bị

hại. Chỉ nhất trí và không yêu cầu trách nhiệm dân sự gì khác đối với các bị cáo. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy D trình bày: Ông là bố bị cáo Th và là chủ nhân chiếc xe Honda wave không gắn biển số. Ông không biết Th dùng xe trên để cướp giật tài sản. Ông đề nghị xin lại chiếc xe. Do bị cáo Th tác động, ông đã tự nguyện nộp thay cả hai bị cáo số tiền 6.860.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để bồi thường cho các bị hại. Ông không yêu cầu các bị cáo phải trả lại ông số tiền trên trong vụ án này.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy Đ trình bày: Chiếc xe Honda Winner X màu xanh đen, biển kiểm soát 98B3-683.84 là của anh cho bị cáo Th mượn. Anh không biết Th dùng xe trên để cướp giật tài sản. Anh đề nghị xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Lãng Văn T và Nguyễn Duy Th phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lãng Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2021.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Th từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định nên cần miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo T 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Lãng Văn T, số 082325545 và số tiền 305.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 305.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Th 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Duy Th, số 024200004189 và số tiền 891.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 891.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại chị Vương Thị V số tiền 2.360.000 đồng. Trả lại chị Nguyễn Thị Ch số tiền 4.100.000 đồng.

- Trả lại anh Nguyễn Duy Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, nhãn hiệu Honda Winner X, màu Xanh – Đen; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, số 207167 mang tên Nguyễn Duy Đ.

- Trả lại ông Nguyễn Duy D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không gắn biển số, màu trắng, đã qua sử dụng và số tiền 400.000 đồng.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng.

- Trả lại chị Lã Kim V1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu Vàng, đã qua sử dụng; 01 ốp lưng điện thoại di động; 01 sim điện thoại.

- Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang y tế màu xanh – trắng, đã qua sử dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 05/10/2021, 05/11/2021 và 06/11/2021, trên địa bàn huyện VY và thành phố B, Lãng Văn T và Nguyễn Duy Th sử dụng xe mô tô thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản của những người bị hại. *Vụ thứ nhất:* khoảng ngày 05/10/2021, tại đoạn đường đối diện cổng Công ty TNHH TOKAI TRIM Việt Nam thuộc địa phận tổ dân phố MĐ 3, thị trấn N, huyện VY, tỉnh B, T và Th đã cùng nhau cướp giật của Vương Thị V, sinh năm 2003, trú tại Thôn C, xã ĐG, huyện LNg, tỉnh B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu trắng bên trong có số tiền 90.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà T và Th cướp giật của chị V là 2.450.000 đồng. *Vụ thứ hai:* khoảng 19 giờ ngày 05/11/2021 tại khu vực thôn T, xã QC, huyện VY, Th và T cùng có hành vi cướp giật của chị Lã Kim V1, sinh năm 2000, trú tại Bản R, xã TĐ, huyện CL, tỉnh L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng. Tổng trị giá tài sản mà T và Th cướp giật của chị V1 là 2.040.000 đồng. *Vụ thứ ba:* khoảng 13 giờ ngày 06/11/2021, trên đường Nguyễn Thị Minh Kh, thuộc địa phận phường XG,

thành phố B, T và Th cùng có hành vi cướp giật tài sản của chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 2002, trú tại: thôn M, xã HV, huyện YT, tỉnh B. Tổng trị giá tài sản mà T và Th cướp giật của chị Ch là 4.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt của 03 vụ cướp giật là 8.590.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an xã hội và hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã dùng xe mô tô (là thủ đoạn nguy hiểm) nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam mới đủ giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

[3.2] Các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, không có kế hoạch sẽ cướp giật tài sản của ai, ở đâu, tiêu thụ thế nào nên đây là đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng cả 3 vụ cướp, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, trực tiếp trao đổi việc mua bán điện thoại sau khi chiếm đoạt được tài sản nên có vai trò cao hơn. Bị cáo Th có vai trò thấp hơn, bị cáo là người lái xe mô tô để bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Do vậy, cần có hình phạt phù hợp với tính chất hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo thực hiện 3 vụ cướp giật tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội. Bị cáo Th tác động gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại chị Nguyễn Thị Ch xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Trả lại bị cáo T 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Lăng Văn T, số 082325545 và số tiền 305.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 305.000 đồng để đảm bảo thi hành án do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại bị cáo Th 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Duy Th, số 024200004189 và số tiền 891.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 891.000 đồng để đảm bảo thi hành án do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại ông Nguyễn Duy Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, nhãn hiệu Honda Winner X, màu Xanh – Đen; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, số 207167 mang tên Nguyễn Duy Đ.

- Trả lại ông Nguyễn Duy D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không gắn biển số, màu trắng, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng do liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Trả lại chị Lã Kim V1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu Vàng, đã qua sử dụng; 01 ốp lưng điện thoại di động; 01 sim điện thoại.

- Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang y tế màu xanh – trắng, đã qua sử dụng do không còn giá trị sử dụng.

[7] Đối với anh Đỗ Đăng T có hành vi mua chiếc điện thoại OPPO A9 và anh Nguyễn Trọng H là người giữ chiếc điện thoại Iphone 6S Plus để giúp các bị cáo mở khóa điện thoại nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh T và anh H không vi phạm pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chị Vương Thị V yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.360.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ch đề nghị các bị cáo bồi thường cho chị Ch số tiền 4.100.000 đồng. Ngày 9/3/2022, ông Nguyễn Duy D là bố bị cáo Th đã tự nguyện nộp số tiền 6.860.000 đồng theo Biên lai số 0000590 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để bồi thường cho các bị hại thay các bị cáo. Ông D không có yêu cầu gì đối với các bị cáo số tiền này nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trả lại chị Vương Thị V số tiền 2.360.000 đồng, trả lại chị Nguyễn Thị Ch số tiền 4.100.000 đồng, trả lại ông Nguyễn Duy D số tiền 400.000 đồng.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lăng Văn T 03 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2021.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Th 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2021.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo T 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Lăng Văn T, số 082325545 và số tiền 305.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 305.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Th 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Duy Th, số 024200004189 và số tiền 891.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền 891.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại anh Nguyễn Duy Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, nhãn hiệu Honda Winner X, màu Xanh – Đen; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 98B3-683.84, số 207167 mang tên Nguyễn Duy Đăng.

- Trả lại ông Nguyễn Duy D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, không gắn biển số, màu trắng, đã qua sử dụng.

- Trả lại chị Lã Kim V1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu Vàng, đã qua sử dụng; 01 ốp lưng điện thoại di động; 01 sim điện thoại.

- Trả lại chị Vương Thị V số tiền 2.360.000 đồng, trả lại chị Nguyễn Thị Ch số tiền 4.100.000 đồng, trả lại ông Nguyễn Duy D số tiền 400.000 đồng theo Biên lai số 0000590 ngày 9/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu trang y tế màu xanh – trắng, đã qua sử dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B
- VKSND thành phố B;
- CQCSĐT-CA TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- UBND xã Hòa Sơn, huyện H Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh B;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo